TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2026/HNGĐ-ST
Ngày 04/09/2026
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà và bà Trịnh Thị Oanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuỳ Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 09 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2026/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/07/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2026 ngày 17 tháng 08 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà H M. Sinh năm: 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn P (nay là Buôn T), xã E, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn**: Ông Y Ng. Sinh năm: 1983 (Vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do).

Địa chỉ: Buôn P (nay là Buôn T), xã E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H M trình bày:*

Bà H M và ông Y Ng xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/9/2009. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do ông Y Ng không chịu khó làm ăn mà thường xuyên uống rượu và hay đánh đập bà H M. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng ông Y Ngkhông hề thay đổi. Vì vậy bà H M cùng các con thuê nhà sống ly thân với ông Y Ng ai biết bổn phận người nấy không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau từ hơn một năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, vì vậy bà H M làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với ông Y Ng Ê ban.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà H M và ông Y Ng có 02 con chung là Y S, sinh ngày 21/02/2005 và H B, sinh ngày 01/3/2009. Nguyện vọng của bà H M là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H B. Đối với cháu Y

S, sinh ngày 21/02/2005 đã trên 18 tuổi, sống tự lập nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà H M không yêu cầu ông Y Ng cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Y Ng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà nguyên đơn bà H M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Y Ng vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án bà H M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Y Ng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H M, xử cho bà H M được ly hôn với ông Y Ng. Giao cho bà H M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung H B, sinh ngày 01/3/2009 cho đến khi cháu H Bội đủ 18 tuổi. Đối với Y S, sinh ngày 21/02/2005 đã trên 18 tuổi hiện nay đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết. Bà H M không yêu cầu ông Y Ngcấp dưỡng tiền nuôi con, không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và nợ chung nên không đề cập giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H M Tòa án xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS.

Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt các đương sự: Quá trình tố tụng, bị đơn ông Y Ng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà H M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H M và ông Y Ng tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn UBND xã Hoà Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk nay là UBND xã Ea Knuếc, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/9/2009, đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà H M trình bày trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm sống, ông Y Ng không chịu khó làm ăn chăm lo cho gia đình và có hành vi bạo hành với bà H M, vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2025 đến nay, ai biết bổn phận người đó. Xét

thấy, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H M có nguyện vọng được ly hôn với ông Y Ng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Y Ng đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do chính đáng tại các phiên làm việc và phiên tòa, chứng tỏ ông Y Ngkhông còn thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định trong thời gian chung sống tại địa phương giữa vợ chồng bà H M, ông Y Ngđã xảy ra nhiều mâu thuẩn và hiện nay ông Y Nguyên, bà H M không còn chung sống với nhau.

Như vậy HĐXX đã có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H M và ông Y Ng đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H M là có cơ sở.

[2.2]. Về con chung: Bà H M và ông Y Ngcó 02 con chung là Y S, sinh ngày 21/02/2005 và H B, sinh ngày 01/3/2009. Bà H M có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H B đến khi đủ 18 tuổi, đối với cháu Y S, sinh ngày 21/02/2005 đã đủ 18 tuổi và sống tự lập nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xét thấy nguyện vọng của bà H M là hoàn toàn tự nguyện, chính đáng, không trái quy định của pháp luật. Tại Văn bản ghi nhận ý kiến của con chung là H B có nguyện vọng được ở với bà H M. Hiện nay bà H M với ông Y Ng đang sống ly thân, các con chung hiện nay đang sinh sống cùng bà H M, hiện tại bà H M có đủ điều kiện để chăm lo cuộc sống, giáo dục con chung. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án ông Y Ng không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không nắm bắt được nguyện vọng nuôi con của ông Y Nguyên. Do đó, để đảm bảo quyền lợi ích về mọi mặt của con chung, đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung là H B cho bà H M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với con chung là Y S, sinh ngày 21/02/2005 hiện nay đã đủ 18 tuổi và sống tự lập nên không đề cập giải quyết.

[2.3].Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H M không yêu cầu ông Y Ng phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[**3**]. Về án phí: Nguyên đơn bà H M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà H M được ly hôn với ông Y Ng.

2. Về con chung: Giao con chung là H B, sinh ngày 01/3/2009 cho bà H M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với con chung là Y S, sinh ngày 21/02/2005 hiện nay đã đủ 18 tuổi và sống tự lập nên không đề cập giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Ông Y Ng được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông Y Ng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc tranh nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà H M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà H M tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006191 ngày 01/06/2026 của Thành án dân sự tỉnh Đắk Lăk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà H M, bị đơn ông Y NgÊ Ban vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; *thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Long

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkLắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-THADS tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Khu vực 4- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực4-Đắk Lắk;
-UBND xã Ea Knuếc;
-Đương sự;
-Lưu HS.